# ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

# ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

# \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

# TRẦN THỊ ÁI HOA

# DEVELOPING TOUR GUIDE STUDENTS’ ABILITY TO MAKE SENSE OF HUMOUR IN ENGLISH JOKES THROUGH AUTHENTIC MATERIALS

# *Phát triển khả năng hiểu tính hài hước trong các truyện cười tiếng Anh của sinh viên nghành hướng dẫn du lịch qua tài liệu nguyên gốc*

# Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh

# Code: 09 04 80 08

# TỐM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

# HÀ NỘI - 2017

# Công trình được thực hiện tại: Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

# Người hướng dẫn: PGS, TS. Nguyễn Phương Nga

# TS. Tô Thị Thu Hương

# Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp nhà nước chấm luận án tiến sĩ họp tại Đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội vào hồi ……….. giờ ngày ……. tháng …… năm …..

**GIỚI THIỆU**

**1. Lý do chọn đề tài**

Hài hước là một yếu tố cần thiết trong cuộc sống của chúng ta và người có tính hài hước gần như có nghĩa là người đó biết tận hưởng cuộc sống. Những người vui tính có thể gây ấn tượng tốt với người khác từ đó giảm khoảng cách xã hội và trong quá trình tương tác có thể truyền tải được sự nhiệt tình và thông điệp của con người trong các mối quan hệ, những người có khiếu hài hước cũng có lợi về sức khoẻ và hài hước đóng vai trò như một tác nhân tháo gỡ những khó khăn trong các mặt của cuộc sống nhất là ở nơi làm việc (Provine, 2000, McGhee, 2002, Moran et al, 2014).

Tương tự, những lợi ích này rất hữu dụng trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt trong công việc của các hướng dẫn viên du lịch hài hước được yêu cầu và đánh giá cao vì nó góp phần tăng niềm vui thích và giúp đưa đến một chuyến đi thú vị cho du khách và hoạt động hướng dẫn du lịch thành công (Howard, Twitches và Smith, 2001; Woodside, 2007 , Anderson, 2007, Pearce và Pabel, năm 2015).

Tuy nhiên, thực tế cho thấy các hướng dẫn viên du lịch (HDVDL) Việt Nam có thể sử dụng rất ít hài hước hoặc cười đùa bằng tiếng Anh khi giao tiếp với khách du lịch nước ngoài (FT) mặc dù họ nói tiếng Anh giỏi. Sinh viên ngành hướng dẫn du lịch (SVNHDDL) không có bất kỳ bài học nào đào tạo về năng lực hài hước bằng tiếng Anh ở trường cao đẳng hay đại học mặc dù trong chương trình đào tạo HDVDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2009) có yêu cầu “khả năng kể chuyện hài hước, đố vui … cho du khách trong các hành trình đường dài” và yêu cầu năng lực ngoại ngữ Bậc C1 dành cho sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh (SVCNTA) hệ đại học theo Khung tham chiếu ngoại ngữ châu Âu (2011). Wulf (2010) đã nhận định đối với những người nước ngoài có khả năng nói tiếng Anh tốt cũng cảm thấy thật khó hiểu hoặc nói những câu đùa tiếng Anh dẫu cho họ có chút óc hài hước. Cũng như Vega (1989: 26) đã chỉ ra rằng " thậm chí những người nói ngôn ngữ thứ hai thông thạo về ngôn ngữ thứ hai (L2) dường như cũng không thể hiểu và gây hài hước."

Thật vậy, không dễ dàng gì khi người Việt Nam học tiếng Anh là ngoại ngữ (EFL) muốn hiểu tính hài hước của truyện cười Anh. Tuy vậy, khi hài hước thuộc lĩnh vực hài lời nói (Verbal humour) thì có thể đào tạo phát triển. Người học phải biết về cơ chế hài hước, biết bản chất của hài hước (Raskin, 1975, Attardo, 1994; Ritchie , 2004) và họ phải có năng lực ngôn ngữ và văn hoá xã hội (Hay, 2001), kiến thức về các quy ước văn bản (Haliday và Hassan, 1976), các quy tắc ứng xử thông thường (van Dijk, 1977) và năng lực ngữ dụng (Bachman, 1990). Vì vậy, để hiểu được hài hước trong truyện cười tiếng Anh, người học tiếng Anh phải được trang bị kiến thức này mới có thể hiểu và giải thích được câu nói hài hước trong truyện cười tiếng Anh.

# 2. Ý nghĩa của đề tài

Nghiên cứu này đóng góp cho:

(1) Ngôn ngữ học ứng dụng: nghiên cứu đã đóng góp một mô hình nghiên cứu đa ngành: hài hước, ngôn ngữ và du lịch đưa ra những cách mà năng lực ngữ dụng góp phần nâng cao năng lực hiểu và sử dụng hài hước (MSOH) trong những câu chuyện cười tiếng Anh cho SVNHDVDL Việt Nam.

(2) Phương pháp dạy và học EFL: nghiên cứu này phát hiện ra mức độ mà các tài liệu hài hước dựa trên năng lực có thể giúp phát triển năng lực của người học để cảm nhận hài hước trong các câu chuyện cười tiếng Anh theo các lý thuyết hài hước, năng ngữ dụng và năng lực hài hước.

(3) Phương pháp nghiên cứu: Việc sử dụng các phương pháp hỗn hợp theo mô hình phối hợp giữa các phương pháp định lượng và định tính là một phương pháp phù hợp cho nghiên cứuvề phát triển hoặc nâng cao chất lượng của đối tượng nghiên cứu trong nghiên cứu của ngôn ngữ học ứng dụng.

(4) Người sử dụng lao động: Những phát hiện của nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng của lực lượng lao động hướng dẫn viên chuyên nghiệp cho tỉnh Khánh Hòa, những người không chỉ có cảm giác hài hước L2 mà còn có thể sử dụng nó trong giao tiếp bằng tiếng Anh với du khách nước ngoài đến thăm tỉnh.

(5) Sinh viên ngành hướng dẫn du lịch: Nghiên cứu này mang lại lợi ích cho sinh viên EFL trong việc nâng cao năng lực giao tiếp của họ bằng cách cung cấp cho họ các chiến lược và phương pháp để nâng cao khả năng cảm nhận hài hước trong những câu chuyện cười của Anh và kể truyện cười cho du khách nước ngoài.

(6) Giảng viên tiếng Anh: Cung cấp cho họ các phương pháp kết hợp hài hước trong giảng dạy với những truyện đùa tiếng Anh trong các bộ môn chuyên ngành hướng dẫn du lịch. Ngoài ra đây là một nguồn tài liệu truyên cười tiếng Anh được xem như một tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy và học tập hài hước trong lớp học các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh. Đây là một đóng góp mới của nghiên cứu này như một bằng chứng để xác nhận thực tế là có thể được đào tạo hài hước ngôn ngữ.

(7) Về cá nhân người nghiên cứu, nghiên cứu này đã làm phong phú và sâu sắc thêm kiến thức về năng lực hài hước và cô ấy đã dần dần có một tính cách vui vẻ hơn. Kiến thức của cô về các lý thuyết hài hước đã giúp cô nhận thức được những điểm hài hước không chỉ bằng tiếng Anh mà còn bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ của cô. Điều này, theo đó, phát triển tình yêu của cô về hai ngôn ngữ một cách mạnh mẽ.

**3. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu**

Mục đích:

(1) Xây dựng bộ tài liệu tiếng Anh nguyên gốc phù hợp để giới thiệu các câu chuyện cười tiếng Anh vào lớp học tiếng Anh nhằm phát triển năng lực hiểu hài hước trong truyện cười tiếng Anh cho sinh viên ngành hướng dẫn du lịch tại Trường đại học Khánh Hòa.

(2) Khám phá mức độ của năng lực hiểu, giải thích và kể truyện cười tiếng Anh qua việc sử dụng các tài liệu nguyên gốc này của sinh viên ngành hướng dẫn Trường Đại học Khánh Hòa.

Mục tiêu:

(1) Điều tra ý kiến ​​và nhu cầu của hướng dẫn viên du lịch, du khách nước ngoài, giáo viên tiếng Anh du lịch và sinh viên ngành hướng dẫn du lịch về việc hiểu hài hước qua truyện cười tiếng Anh

(2) Xác định và lựa chọn các tài liệu nguyên gốc phù hợp cho khóa học an thiệp về nâng cao năng lực hiểu hài hước trong các câu chuyện cười của Anh.

(3) Thăm dò những khó khăn chủ quan và khách quan mà sinh viên ngành hướng dẫn du lịch gặp phải trong việc hiểu và giải thích sự hài hước trong các câu chuyện cười tiếng Anh.

(4) Giúp người học làm quen với hài hước trong truyện cười tiếng Anh, như là một đường hướng phát triển nhận thức về quy ước lời nói và văn hoá xã hội hổ trợ việc sử dụng tính hài hước trong công tác hướng dẫn du lịch.

(5) Xây dựng các phương pháp / chiến lược để giúp phát triển khả năng của sinh viên trong việc hiểu hài hước trong các truyện cười tiếng Anh thông qua các tài liệu nguyên gốc cùng với mục tiêu giảng dạy nhằm phát triển năng lực giao tiếp của học sinh.

(6) Đánh giá khả năng hiểu hài hước của học sinh trước và sau khi tham gia khoá học can thiệp làm bằng chứng về hiệu quả can thiệp.

# 4. Phạm vi nghiên cứu

Thứ nhất, đối tượng tham gia nghiên cứu là sinh viên tiếng Anh chuyên ngành du lịch và làm nghề hướng dẫn viên du lịch trong tương lai, là hướng dẫn viên du lịch, khách du lịch và giáo viên tiếng Anh du lịch tại thành phố NhaTrang. Thứ hai, các mẫu nghiên cứu chỉ giới hạn trong các sinh viên đại học của trường Đại học Khánh Hòa, những người đã ở năm thứ ba đạt đến trình độ tiếng Anh tương tự và có thể bắt kịp với sự hiểu biết ngôn ngữ hài tiếng Anh. Thứ ba, do giới hạn về thời gian và nguồn lực giảng dạy, các tài liệu thực tế được đề xuất chỉ tập trung vào sự hài hước ngôn ngữ, một yếu tố quan trọng trong công việc của một hướng dẫn viên du lịch quốc tế, để giúp sinh viên sẵn sàng cho công việc thực tế sau khi tốt nghiệp. Cuối cùng, trọng tâm của nghiên cứu là hiểu sự hài hước (hiểu và diễn giải) trong những câu chuyện cười tiếng Anh (đã có sẵn), chứ không phải về diễn xuất hài hước hoặc sáng tạo.

# 5. Bố cục của luận án

Luận án bao gồm 3 phần chính. Phần mở đầu là phần giới thiệu chung về nghiên cứu. Tiếp theo phần mở đầu, phần thứ hai bao gồm 3 chương. Chương 1 đưa ra tổng quan các vấn đề nghiên cứu, Chương 2 nêu chi tiết phương pháp nghiên cứu, Chương 3 mô tả kết quả nghiên cứu và những bàn luận. Phần cuối là kết luận của luận án tóm tắt những kết quả trả lời câu hỏi nghiên cứu, ứng dụng và kiến nghị cho các nghiên cứu sâu hơn.

# CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Chương mục này tổng hợp các khái niệm và các nghiên cứu liên quan đến nghiên cứu hiện tại. Các phần chính gồm giới thiệu ngắn gọn về hài hước, các vấn đề liên quan đến hài hước trong những loại truyện cười tiếng Anh. Sự kết hợp của các mô hình năng lực hài hước của Hay, phân loại của Bloom và năng lực ngữ dụng của Bachman được tạo ra để phát triển khả năng hiểu sự hài hước trong truyện cười tiếng Anh. Các phương pháp sử dụng tài liệu nguyên gốc để giảng dạy nâng cao năng lực hiểu hài hước được đề cập trong chương này. Phần cuối của chương là tổng quang các nghiên cứu trước đây liên quan đến các vấn đề nghiên cứu của nghiên cứu này.

**1.1. Một số khái niệm về hài hước**

## 1.1.1. Định nghĩa hài hước

## Theo từ điển Bách khoa toàn thư Anh ngữ Nâng cao, tính hài hước được định nghĩa (i) "chất lượng hài hước hoặc vui"; Và (ii) "khả năng cảm nhận tính hài trong những sự vật, tình huống hoặc những người buồn cười hoặc dễ vui " (1992: 442). Các nhà nghiên cứu có những định nghĩa khác nhau về tính hài hước. Nhưng nói chung, tính hài hước là một thuật ngữ rộng có liên quan đến những khái niệm như một cái gì đó vui như một sự vật, tình huống, một cảm giác và diễn tả bằng lời dưới dạng hài hước về văn bản (Shardakova, 2016). Nghiên cứu này tập trung vào sự hài hước bằng lời theo thuyết hai kịch bản đối lập (Raskin, 1985; Attado, 1994).

## 1.1.2. Óc hài hước

Óc hài hước là khả năng con người nhận thức hài hước (Chapman, 2007) và cao hơn óc hài hước chỉ một đặc điểm tính cách hoặc hành vi "hài hước liên quan đến con người người" (Nicolson, 1946). Tuy nhiên, không phải tất cả mọi người có óc hài hước đều luôn cười vui vẻ và ngược lại, một người được cho là có ít óc hài hước vẫn có thể cảm nhận hài hước và cười (Eysenk, 1972). Do vậy, Chapman (2007) đã nhận định hài hước tồn tại bên trong con người và có chức năng nhận thức.

## 1.1.3. Hài hước bằng lời

Hài hước bằng lời là một văn bản chứa đựng hài khác với hài hước không phải là lời nói là một tình huống hài hước không được tạo ra, mô tả hay thể hiện bằng bất kỳ văn bản nào (Suls, 1983, Raskin, 1985, Alexander, 1997, Norrick, 2004). Nghiên cứu hiện tại tìm hiểu "Hài hước bằng lời nói" đó là hài hước có "kết nối với từ ngữ và cách sử dụng" vì theo nguồn gốc tiếng Latin "verbum" có nghĩa là "một từ" (Dynel, 2009). Loại hài hước bằng lời có kiểu hài và thể loại hài. Kiểu hài là phong cách hài hước (Martin và cộng sự, 2003; Stieger, Formann và Burger, 2011, Gignac, Karatamoglu, Wee và Palacious, 2014). Có hai nhóm kiểu hài là nhóm hài thân thiện và nhóm công kích. Nhóm thân thiện là nhóm hài có mục đích làm vui, hợp tác và có cách nhìn vui vẻ về cuộc sống. Ngược lại, hài hước công kích có tính chất hung hăng và mục đích sử dụng hài hước để hạ nhục hoặc lăng mạ người khác, như châm chọc, trêu chọc hoặc nhạo báng chê bai cá nhân và có ý nghĩa tiêu cực. Hài hước bằng lời có nhiều thể loại khác nhau như câu nói hài hước ngắn, truyện cười ngắn hoặc dài, v.v.Nghiên cứu hiện tại tìm hiểu hài hước bằng lời thuộc kiểu nhóm hài hước thân thiện và theo thể loại những câu nói hài và truyện cười ngắn.

## 1.2. Hài hước trong truyện cười Anh

## 1.2.1. Định nghĩa truyện cười Anh

Truyện cười là một văn bản hài ngắn lặp đi lặp lại (gần như) nguyên văn có nội dung thường không có liên quan và tách rời khỏi cuộc trò chuyện và hướng tới vui chơi (Dynel, 2009: 11).Loại truyện cười này có một câu cuối gây hài hước. Loại truyện nàỳ đã được nghiên cứu sử dụng cho lớp học ngoại ngữ.

## 1.2.2. Tính chất của hài hước trong truyện cười

Truyện cười có liên quan đến từ, câu, văn bản nhưng tính hài của truyện cười là ngôn ngữ của nó vượt ra khỏi những quy định thông thường cần thiết của những mục đích ngôn ngữ thuần túy. Thứ hai, yếu tố tương phản là biểu tượng đặc biệt của truyện cười (Fischer, 1889, dẫn trong Freud, 1960), đó là sự ngược nghĩa gây hài hước của từ vựng giữa từ có ý nghĩa và từ vô nghĩa (Lipps, 1898 ). Thứ ba, nghĩa hàm ẩn đóng một vai trò quan trọng trong chuyện cười. Một số thông tin không rõ bị ẩn lại trong các câu chuyện cười và có một câu kết sẽ xuất hiện vào cuối câu chuyện đùa gây ra một sự ngạc nhiên, sự hiểu nhầm sự hàm ý (Grice, 1975; Attardo, 1990). Ngoài ra, trò cười thường có xu hướng nhắm đến mục tiêu bị cười ở một số cộng đồng (Davies, 2011).

## 1.2.3. Cơ chế hài hước

Sự phi lý là cốt lõi của hài hước. Nó có chứa một điều bất ngờ vượt ra khỏi ngoài ngữ cảnh định sẵn, không đúng, vô lý, phóng đại, … và là điều cơ bản cho sự hài hước (Wu, 2013). Các hiệu ứng hài hước hoặc cơ chế gây cười có thể được tóm tắt theo ba giai đoạn: (i) Tính phi lý; (ii) giải quyết sự phi lý; Và (iii) niềm vui phát sinh khisự căng thẳng được giải thoát trong nỗ lực chờ đợi hiểu sự phi lý đó (Wu, ibid). Mô hình của Suls (1972, 1977, 1983) là lý thuyết quan trọng nhất nhấn mạnh vai trò của cơ chế hài hước là sự phi lý và lý giải sự phi lý tạo ra hiệu ứng hài hước. Mô hình đó gồm hai giai đoạn, trong đó điểm then chốt của sự hài hước chính ở giai đoạn ban đầu khi người nghe/đọc truyện hài phát hiện sự phi lý đó.

# 1.3. Hiểu hài hước trong truyện cười Anh

## 1.3.1. Khái niệm hiểu hài hước trong truyện cười

Thành ngữ “make sense of” đồng nghĩa với “hiểu”, “cảm nhận” và “nhận thức thấu đáo”. Nên thành ngữ “*making sense of humour in English jokes*” bao hàm nghĩa hiểu thấu đáo và hiển nhiên có cảm nhận hài hước trong truyện cười Anh. Vậy khả năng hiểu thấu đáo hài hước trong truyện cười Anh có nghĩa là có khả năng nắm bắt điểm hài, diễn đạt nó và có thể cả cảm nhận nó. Ziv (1994) định nghĩa: Sự hiểu hài hước (Humour comprehension) là khả năng nhận biết các phi lý trong truyện cười, trong khi đó sự cảm nhận hài hước (Humour appreciation) được định nghĩa là khả năng hiểu và có được niềm vui từ những thông điệp hài hước (Ziv, 1984). Raskin (1985) khẳng định rằng khả năng giải nghĩa được điều phi lý phụ thuộc vào khả năng mà người ta có thể chuyển đổi giữa một ý nghĩa có thực (bona fide) sang ý nghĩa không thực (non-bona fide). Trong nghiên cứu hiện tại, mục tiêu chính của sinh viên ngành hướng dẫn là hiểu thấu đáo tính hài trong truyện cười để sử dụng và kể truyện cười cho du khách nước ngoài là một năng lực cần thiết trong nghề hướng dẫn du lịch.

## 1.3.2. Năng lực hài hước (Humour competence) và năng lực ngữ dụng (Pragmatic competence)

Để có thể hiểu thấu đáo hài hước bằng những câu đùa Anh, cần phải có năng lực hài hước bởi vì năng lực này sẽ cho phép nhận ra tính hài hước, giống như người bản xứ có thể nhận ra một câu văn có chứa đựng ngữ pháp, mà không cần phải giải thích ngữ pháp đó (Attardo, 2008). Như vậy năng lực hài hước là "khả năng của người bản ngữ cần có để vượt qua các phán đoán về sự hài hước của một văn bản (Raskin, 1985: 51). Đây là cơ chế nhận thức để thúc đẩy người nghe/đọc truyện cười có thể giải thích được cư chế 2 kịch bản trái ngược của Raskin (1985). Do đó năng lực hài hước cần thiết cho sự hiểu hài hước và cảm nhận hài hước. Đây là điểm nghiên cứu chính: Sinh viên ngành hướng dẫn viên du lịch học tiếng Anh là ngoại ngữ chính cần năng lực hài hước để họ có thể giải thích và cảm nhận hài hước trong truyện cười tiếng Anh.

Hay (2001) đã đề xuất một quy trình hình hỗ trợ hiểu hài hước gồm 3 yếu tố: ***1. Recognition****,* ***2. Understanding****,*and ***3. Appreciation*** (2001: 67). Trong đó cần có cầu nối giữa yếu tố 2 và yếu tố 3. Hay đã gợi ý bổ sung yếu tố **Agreement** đây là một yếu tố để thu hẹp khoảng cách giữa nhận ra và cảm nhận. Điều đó có nghĩa là khi hiểu thấu đáo điểm hài hước trong truyện cười, người nghe/đọc cần đồng ý với nội dung trò đùa thì mới có thể cảm nhận nó (Hay, 2001).Rất rõ ràng, quy trình năng lực hài hước rất giống với sự phân loại năng lực của Bloom về trong quy trình dạy và học ngôn ngữ. Đó là sáu cấp độ phân loại năng lực: (i) Ghi nhớ, (ii) Hiểu, (iii) Áp dụng, (iv) Phân tích và (v) Đánh giá (Anderson, 2001 ). Tương tự. Bachman (1990) đã đưa ra một mô hình năng lực ngôn ngữ "Communicative language ability" bao gồm năng lực tổ chức và năng lực ngữ dụng (Bachman, 1990: 84-87) Năng lực tổ chức bao gồm năng lựcngữ pháp và năng lực văn bản và năng lực ngữ dụng bao gồm hai năng lực là năng lực lời nói và năng lực ngôn ngữ học xã hội.Deniere (1995: 295) chỉ ra rằng "năng lực giao tiếp phát triển tốt bao hàm khả năng hài hước, và ngược lại". Deniere (1995) cũng nhấn mạnh rằng người học ngôn ngữ cũng cần phải phát triển "một mức độ năng lực văn hoá nhất định trong ngôn ngữ đích bởi vì người học ngôn ngữ không thể cảm nhận tính hài hước của ngôn ngữ đó ngay cả khi người đó có khả năng ngôn ngữ đích” (Bell, 2007 ). Do đó sinh viên ngành hướng dẫn du lịch cần có tài liệu ngôn ngữ hài hước để phát triển năng lực hài hước. Đây là sự kết hợp dạy ngôn ngữ hài hước để phát triển năng lực hài hước (Wulf, 2010).

# 1.4. Tài liệu nguyên gốc phát triển năng lực hiểu hài hước trong truyện cười Anh

## 1.4.1. Dùng tài liệu nguyên gốc để phát triển năng lực hài hước

Các tài liệu được sử dụng để phát triển khả năng có khiếu hài hước của hướng dẫn viên du lịch phải đảm bảo tính nguyên gốc về văn bản. Bốn loại nguyên gốc được xem xét là tính xác thực của văn bản, tính xác thực của người học, tính xác thực của nhiệm vụ và tính xác thực của lớp học (Breen, 1985: 67). Các tiêu chí lựa chọn tài liệu đích thực là sự phù hợp, khả năng khai thác và tính dễ đọc.

## 1.4.2. Quan điểm dựa trên kỹ năng áp dụng cho tài liệu nguyên gốc

## Quan điểm dựa trên năng lực (CBE) được khuyến khích cho các tài liệu nguyên gốc trong việc phát triển năng lực hài hước cho sinh viên hướng dẫn viên du lịch. Bản chất của việc phát triển năng lực hiểu hài hước trong những câu chuyện cười tiếng Anh cho các sinh viên hướng dẫn viên du lịch là để phục vụ các kỹ năng làm việc của họ. Do đó, những hướng dẫn viên mà công việc của họ liên quan đến việc sử dụng tính hài hước của L2 trước tiên nên tìm hiểu sự hài hước của L2 để họ có thể hiểu được sự hài hước trong những câu chuyện cười tiếng Anh, giống như họ, có thái độ tốt với những câu đùa Anh và sử dụng chúng ở nơi làm việc. Khi họ đồng ý chấp nhận hài hước của L2, họ có thể phân tích các tình huống và kết hợp các tình huống này với các đối tượng du lịch hoặc các điểm đến để kể những câu chuyện cười cho du khách nước ngoài. Hơn nữa, cách tiếp cận giảng dạy dựa trên năng lực là một phương pháp giảng dạy hiện đại không giống như các phương pháp truyền thống làm tăng nội dung kiến thức trong nội dung giảng dạy (Richards, 2001). Do đó, quá trình giảng dạy hài hước nhằm để phát triển khả năng tạo cảm giác hài hước cho sinh viên hướng dẫn du lịch thông qua các tài liệu đích thực phải bao gồm hai bước như sau.

## Bước 1: Hiểu và giải nghĩa hài hước bằng những câu đùa Anh

## Bước 2: Phân tích tình huống hài hước, kết hợp với mục tiêu hướng dẫn viên du lịch và kể chuyện cười

**1.4.3. Nhu cầu học hài hước qua tài liệu nguyên gốc**

Nhu cầu cần được phân tích và phát hiện để thu thập truyện cười tiếng Anh nguyên gốc cho tài liệu. Hướng dẫn hầu hết khi yêu cầu phân tích nhu cầu bao gồm hai khía cạnh là nhu cầu đạt đích và nhu cầu học tập (Hutchinson and Waters, 1987). Nhu cầu đạt đích đề cập đến "những gì học viên cần làm để đạt mục tiêu" và "nhu cầu học tập đề cập đến những gì học viên cần học để làm" (Hutchinson and Waters: 1987: 54).

# 1.5. Các nghiên cứu trước đây về năng lực hài hước và cảm nhận hài hước

## 1.5.1. Các nghiên cứu ngoài nước

Có nhiều nghiên cứu về năng lực hài hước và cản nhận hài hước. Souza (2008) đã thực hiện một nghiên cứu về việc sử dụng các câu chuyện cười và câu đố như là công cụ cho việc học và văn hoá EFL bằng cách quan sát phản ứng của học sinh đối với việc trình bày các câu chuyện cười tại Trung tâm Ngôn ngữ thuộc Đại học Sư phạm Sao Paolo. Nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh của sinh viên thông qua các trò đùa. Li và Chen (2006) đã nghiên cứu về nhận thức của người học đại học EFL về sự mơ hồ về sự hiểu biết về truyện cười với một thử nghiệm về sinh viên nữ và nam sinh viên, những người đã thực hiện các bài kiểm tra hài hước được phân loại trong những ngôn từ về ngôn ngữ và nụ cười. Tuy nhiên, nghiên cứu của họ đã không đề cập đến việc hiểu được những truyện cười có hài hước thuộc ngữ dụng hay những chuyện cười phổ thông vốn là một loại truyện cười phổ biến ở mọi ngôn ngữ (Schmitz, 2002). Welo (2009) đã điều tra các vấn đề về hiểu biết về những truyện cười bằng tiếng Anh và khám phá những lợi ích của những câu chuyện cười tiếng Anh để nâng cao khả năng đọc hiểu cho sinh viên Thái Lan. Các sinh viên thích trò đùa phổ biến cho những người văn hoá. Tuy nhiên sự chênh lệch về văn hoá là những trở ngại và khó khăn cho học sinh để đọc truyện cười tiếng Anh. Alvaro (2011) tập trung vào việc phân tích thực tế về tính hài hước bằng cách sử dụng điện ảnh với một bộ phim cụ thể của Anything Else của Woody Allen. Phân tích bao gồm các khái niệm ngữ dụng khác nhau như hàm ẩn, các phương châm đàm thoại và giả định, được tiếp cận kết hợp với các hình tượng hùng biện và có liên quan đến các lý thuyết hài hước về cười. Wulf (2010) đề xuất một chương trình giảng dạy hài hước dựa trên phân loại của kỹ năng nhỏ trực tiếp từ Morain (1991) và Attardo, Hempelmann và diMaio (2002) và Schmitz (2002). Wulf (2010) cũng đề xuất nhiều hoạt động giảng dạy những câu chuyện cười và cùng thảo luận ý nghĩa của chúng trong lớp học. Tuy nhiên, chương trình giảng dạy của Wulf (2010) bao gồm nhiều loại hài hước mà không có một bộ sưu tập các câu chuyện cười phù hợp với người học. Hơn nữa, sự bổ sung chương trình giảng dạy không được đánh giá và năng lực của người học không được đánh giá. Trên cơ sở chương trình giảng dạy về tính hài hước hài hước của Wulf năm 2010, Petkova đã thực hiện một nghiên cứu về việc ghi lại hiệu quả và nhận thức của chương trình học này trong một chương trình Anh văn chuyên sâu ở miền Nam California và cũng nghiên cứu nhận thức của người học ngôn ngữ thứ hai về tiếng Anh Hài hước bằng tiếng mẹ đẻ của mình so với nhận thức về tính hài hước bằng tiếng Anh. Đặc biệt, Hodson (2014) tại Nhật Bản, dựa trên ý tưởng về khả năng hài hước có thể được định nghĩa là khả năng nhận biết và hiểu được tính hài hước và là một khía cạnh quan trọng của năng lực ngữ nghĩa và ngữ dụng cho người học ngôn ngữ bậc cao, đã nghiên cứu về thiết kế. Kết quả của chương trình học trong một học kỳ về hài hước cho sinh viên đại học EFL, sử dụng sự kết hợp của việc giảng dạy các lý thuyết hài hước và giản đồ kiến ​​thức, phân tích các bài viết hài hước và thuyết trình của sinh viên do giáo viên và người học thực hiện. Cả hai kết quả định tính và định lượng nghiên cứu từ khóa học đã được phân tích. Điều đáng chú ý là Hudson (2014) đã sử dụng số liệu từ bài tổng hợp và bài luận một cách hiệu quả. Các sinh viên có thể đánh giá hài hước và những truyện cười. Đây là những nền tảng cho nghiên cứu này với các sinh viên trong bối cảnh Việt Nam.

## 1.5.2. Các nghiên cứu trong nước (Việt Nam)

Ở Việt Nam, nhiều truyện cười tiếng Anh đã được chấp nhận và sử dụng bởi nhiều giáo viên trong lớp học tiếng Anh. Có một số bài viết chủ yếu nghiên cứu về cách sử dụng hài hước trong lớp học tiếng Anh. Tuy nhiên, rất ít nghiên cứu đã được thực hiện về việc sử dụng hài hước trong lớp học hoặc hiểu và cảm nhận hài hước. Thực tế cho thấy những nghiên cứu về sự hài hước của người Việt Nam mới bắt đầu vào đầu những năm 2000.

Trong ngôn ngữ học, một số nghiên cứu đã được thực hiện về so sánh hài hước của người Anh với hài hước của người Việt Nam, ví dụ về hàm ngôn (Nguyễn, 2010), biểu hiện củahài hước mỉa mai (Nguyễn, 2011) và ngôn ngữ biểu trưng trong các văn bản hài hước của hai ngôn ngữ Anh và Việt. Những phát hiện của họ khuyến khích và tạo điều kiện học hỏi cho giáo viên Việt Nam và sinh viên. Nguyễn (2010) chỉ ra ý nghĩa của những truyện cười của Anh có thể giúp người học học tiếng Anh tốt hơn. Nghiên cứu của Nguyễn (2011) đã giúp các giáo viên kết hợp kiến ​​thức văn hoá vào giảng dạy và học ngoại ngữ để nhận thức được sự khác biệt giữa các nền văn hoá trong giao tiếp với những người nói tiếng Anh. Quy (2012) phát hiện ra bối cảnh đó là một yếu tố quan trọng giúp người học hiểu và diễn giải hình ảnh của bài diễn văn trong những câu chuyện hài hước và áp dụng trong việc dịch và giảng dạy.

Trong nghiên cứu về ngôn ngữ, Phan (2010) có một nghiên cứu dựa trên các lý thuyết hài hước và phát hiện một số đặc điểm ngôn ngữ của những câu chuyện cười ngắn để góp phần vào một số hoạt động dạy kỹ năng nói ở trường trung học với mục đích sử dụng các câu chuyện cười như một tài liệu hữu ích Động viên học sinh trung học. Gần đây, Nguyễn (2014) đã thực hiện nghiên cứu thực nghiệm về tính hài hước trong giáo dục để điều tra một cách có hệ thống vai trò hài hước trong lớp học EFL tại các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đã kiểm tra nhận thức của giáo viên đại học và sinh viên về vai trò của sự hài hước trong việc giảng dạy tiếng Anh, các phương pháp sử dụng hài hước của giáo viên, lý do sử dụng hài hước, sở thích của giáo viên về các loại hài hước và phản ứng của học sinh về việc giáo viên sử dụng hài hước. Nghiên cứu về tính hài hước trong dạy học tiếng Anh trong bối cảnh Việt Nam - một quốc gia đang phát triển ở Châu Á, nơi tiếng Anh có vị trí uy tín và thành thạo tiếng Anh là một lợi thế cho thành công trong nhiều lĩnh vực và nghề nghiệp. Nguyễn (2004) phát hiện ra những sự yếu kém ngôn ngữ và văn hoá là những rào cản đối với người học Việt Nam tại Trường Cao đẳng Quy Nhơn trong việc cảm nhận hài hước của Mỹ. Nguyễn (2004) sử dụng các hài hước ngôn ngữ và cú pháp để nghiên cứu sự cảm nhận hài hước của người học và thấy rằng sự cảm nhận hài hước là sản phẩm của sự tương tác giữa khán giả và đối tượng hài hước – truyện cười. Một phát hiện quan trọng trong nghiên cứu của Nguyễn (2004) là sơ đồ mô tả hoạt động của sự cảm nhận hài hước được áp dụng và sử dụng vào hướng dẫn để giảng dạy năng lực hài hước trong nghiên cứu này.

# 1.6. Tóm tắt chương và khung nghiên cứu lý thuyết

Chương này trình bày tổng quan các nghiên cứu giới thiệu về chủ đề hài hước, cơ chế gây hài trong truyện cười tiếng Anh, xây dựng các tài liệu truyện cười nguyên gốc để tạo sự hài hước trong những câu chuyện cười của Anh và điểm lại lại những nghiên cứu trước đây có liên quan để cung cấp nền tảng cho khung lý thuyết của nghiên cứu này được trình bày trong Hình 1.1

**Hình 1.1. Khung lý thuyết để phát triển hướng dẫn viên du lịch về khả năng hài hước bằng tiếng Anh**

Hài hước trong truyện cười của Anh thuộc tính hài hước bằng lời trong đó có các lý thuyết về hài hước, cơ chế hài hước, bản chất ngữ nghĩa và ngữ dụng là kiến thức người học phải hiểu. Năng lực hài hước được xem như một phương tiện truyền đạt các yếu tố cần thiết như năng lực ngôn ngữ và năng lực văn hoá xã hội để giúp phát triển khả năng cảm nhận hài hước trong truyện cười tiếng Anh. Phần này được tạo thành từ mô hình năng lực hài hước của Hay, phân loại của Bloom và năng lực ngữ dụng của Bachman. Để giảng dạy về năng lực hài hước, một loại tài liệu nguyên gốc được đề xuất sử dụng với phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Tài liệu giảng dạy bằng tiếng Anh sử dụng truyện cười nguyên bản phần cốt lõi của khung lý thuyết nhằm nâng cao khả năng của các sinh viên hướng dẫn du lịch có thể giải thích hài hước trong các truyện cười tiếng Anh. Các tài liệu được đề xuất sẽ được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn văn bản nguyên gốc, trong đó có các chủ đề hài hước trong du lịch của Fabel (2014)chủ yếu gồm các điểm gây cười ngữ nghĩa và ngữ dụng. Các tài liệu nguyên gốc được đề xuất được lựa chọn dựa trên phương châm tiếp cận dựa trên phát triển năng lực (Richards, 2006).

# CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

# Chương này mô tả phương pháp luận của nghiên cứu hiện tại. Bắt đầu chương là bối cảnh nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu, tiếp theo là các câu hỏi nghiên cứu và sau đó trình bày hai giai đoạn của nghiên cứu với việc thu thập và phân tích dữ liệu trong từng giai đoạn.

# 2.1. Mở đầu

## 2.1.1. Hoàn cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu này liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau. Trong nghiên cứu sơ bộ, những người tham gia bao gồm các hướng dẫn viên du lịch, khách du lịch nước ngoài, giáo viên tiếng Anh Du lịch và hướng dẫn viên du lịch. Trong quá trình can thiệp, việc dạy các tài liệu được đề xuất đã được thực hiện với sinh viên ngành hướng dẫn viên du lịch năm cuối của trường Đại học Khánh Hòa.

Đại học Khánh Hòa bắt đầu từ hai trường cao đẳng: Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang và Trường Cao Đẳng Nghệ thuật, Văn hoá và Du lịch Nha Trang và được nâng cấp lên vị trí của một trường đại học vào ngày 1/8/2016 sau khi Chính phủ quyết định. Khoa Ngoại ngữ trong trường đại học cung cấp một đội ngũ hướng dẫn viên du lịch (TG) mà chủ yếu là sử dụng tiếng Anh tại Nha Trang, Khánh Hòa mỗi năm. Nhóm này sẽ làm việc tại các cơ quan du lịch trong các tour du lịch có hướng dẫn cho khách du lịch nói tiếng Anh đến từ Anh, Mỹ, Úc, New Zealand và các nước khác. Theo Quy chế về Kỹ năng ngoại ngữ cho Hướng dẫn viên du lịch quốc tế được Bộ trưởng Bộ Thể thao và Du lịch phê duyệt tại Quyết định số 1417 / QĐ-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2009, một trong những kỹ năng chuyên ngành về hướng dẫn du lịch là hướng dẫn viên quốc tế có khả năng kể truyện cười đùa hoặc câu đố bằng tiếng Anh.

Tuy nhiên, đến nay, tại Việt Nam chưa có chương trình hoặc giáo trình cụ thể nào để giúp sinh viên hướng dẫn du lịch phát triển khả năng hài hước bằng tiếng Anh. Vì vậy, cần tăng cường khả năng hài hước trong các câu chuyện cười tiếng Anh của sinh viên hướng dẫn du lịch tại trường Đại học Khánh Hòa để tăng cường năng lực chuyên môn của họ theo yêu cầu của công việc tại nơi làm việc hiện nay. Nghiên cứu hiện tại là một nỗ lực kịp thời để đáp ứng nhu cầu đó.

## 2.1.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ mục tiêu và yêu cầu trên, Nghiên cứu cần trả lời các câu hỏi sau.

(1) Những tài liệu tiếng Anh nguyên gốc nào phù hợp để giúp phát triển năng lực cảm nhận hài hước trong truyện cười tiếng Anh của sinh viên ngành hướng dẫn du lịch tại trường Đại học Khánh Hòa?

(2) Tài lieeuh nguyên gốc đó sẽ tăng cường khả năng cảm nhận sự hài hước trong những câu chuyện cười tiếng Anh cho các sinh viên hướng dẫn du lịch đến mức độ nào?

Để trả lời các câu hỏi nghiên cứu, phương pháp hỗn hợp với sự kết hợp của hai đường hướng định lượng và định tính được thược hiện trong hai giai đoạn chính: Giai đoạn một là nghiên cứu sơ bộ và giai đoạn hai là nghiên cứu can thiệp.

**2.1.3. Thiết kế nghiên cứu**

Theo hướng dẫn của Creswell (2011), nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp giải thích theo thứ tự liên quan đến việc thu thập và phân tích dữ liệu định lượng, sau đó là việc thu thập và phân tích dữ liệu định tính. Ưu tiên được đưa ra đối với dữ liệu định lượng và các phân tích đã được tích hợp trong giai đoạn giải thích của nghiên cứu. Nghiên cứu này bao gồm hai giai đoạn: nghiên cứu sơ bộ để phân tích nhu cầu (NA) để chọn một loại tài liệu nguyên gốc và sau đó nghiên cứu thí điểm như một sự can thiệp để tìm ra kết quả. Mục đích của thiết kế tuần tự này là trước tiên khảo sát định lượng với một mẫu lớn và sau đó để xác định xem các kết quả định lượng tổng quát cho mẫu lớn này. Phương pháp thu thập dữ liệu của nghiên cứu là khảo sát bảng câu hỏi và các bài kiểm tra bằng cách thu thập dữ liệu định lượng. Từ đợt thăm dò ban đầu này, phương pháp thứ hai được sử dụng để phát triển các biện pháp đánh giá có thể được áp dụng cho một mẫu nhỏ hơn với dữ liệu định tính. Trong phương pháp định lượng dự kiến ​, dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn và quan sát được thu thập.

Trong Giai đoạn 1, là một nghiên cứu sơ bộ để trả lời câu hỏi nghiên cứu 1 bao gồm phân tích nhu cầu, xác định vấn đề và xác minh tài liệu. Nó được thiết kế để thu thập nhận thức, thái độ và ý kiến ​​về việc sử dụng tiếng Anh hài hước từ các hướng dẫn viên thực sự với các chuyến công tác hướng dẫn du lịch quốc tế, sự hài lòng hài hước của khách du lịch quốc tế, ý định giảng dạy sự hài hước của giáo viên tiếng Anh cho du lịch và sự hài hước Cho một loại vật liệu đích thực. Cách tiếp cận thu thập dữ liệu: định tính và định lượng.

Giai đoạn 2 là giai đoạn can thiệp để trả lời câu hỏi nghiên cứu 2. Trong giai đoạn này dữ liệu thu thập được cũng thuốc định lượng và định tính. Giai đoạn nghiên cứu này đề cập đến mức độ hiệu quả của các tài liệu gảng dạy được đề xuất và được sử dụng trong can thiệp. Một thiết kế gồm hỗn hợp các phương pháp theo thứ tự định lượng trước định tính sau. Thứ nhất, kiểm tra trước và sau kiểm tra đã được sử dụng để đánh giá mức độ cải thiện về khả năng tạo ra sự hài hước trong những câu chuyện cười của học sinh trước và sau khi can thiệp. Sau đó, các cuộc phỏng vấn sâu với các sinh viên được lựa chọn đã được tiến hành với một kết quả định lượng từ trước / sau kiểm tra để giúp giải thích các kết quả định lượng. Trong lần theo dõi thăm dò này, kế hoạch là tìm hiểu và cảm nhận hài hước của sinh viên TG trước và sau khi can thiệp để kiểm tra chéo với các bài kiểm tra trước / sau.

Các kết quả dữ liệu định tính là thuộc tính của dữ liệu định tính và hai loại dữ liệu đã được kết hợp. Lợi thế quan trọng của việc trộn cả số liệu định lượng và định lượng là nhà nghiên cứu thu thập được cả chiều rộng và chiều sâu của hiểu biết về vấn đề nghiên cứu, đồng thời giảm các hạn chế liên quan đến việc áp dụng từng phương pháp đơn lẻ. Nghiên cứu hỗn hợp các phương pháp hỗn hợp đã được sử dụng phù hợp khi nhà nghiên cứu muốn xác nhận các kết quả thu được từ các phương pháp khác hoặc muốn liên tục xem xét một câu hỏi nghiên cứu từ các góc độ khác nhau để khám phá các mâu thuẫn tiềm ẩn. Bảng 1.1. mô tả quá trình thực hiện nghiên cứu

##### **Bảng 2.1. Tóm tắt quá trình nghiên cứu thu thập dữ liệu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi nghiên cứu** | **Giai đoạn nghiên cứu** | **Thời gian** | **Thành phần tham gia** | **Phương pháp thu thập dữ liệu** | **Lọai dữ liệu thu được** |
| (1) Những tài liệu tiếng Anh nguyên gốc nào phù hợp để giúp phát triển năng lực cảm nhận hài hước trong truyện cười tiếng Anh của sinh viên ngành hướng dẫn du lịch tại trường Đại học Khánh Hòa? | Phân tích nhu cầu | 7 - 10/ 2014 | Du khách  Hướng dẫn viên  Giảng viên  Sinh viên | Bảng câu hỏi điều tra | Định lượng |
| 10 và 11/ 2014 | Du khách  Hướng dẫn viên  Sinh viên | Phỏng vấn | Định lượng |
| 12/ 2014 | Du khách  Hướng dẫn viên | Quan sát | Định lượng |
| Khảo sát vấn đề | 3/ 2015 | Sinh viên | Phỏng vấn | Định lượng |
| Thẩm định và dạy thử nghiệm tài liệu | 5/ 2015  5/ 2015 | Giảng viên  Sinh viên | Câu hỏi điều tra  Phỏng vấn | Định tính  Định lượng |
| (2) Tài liệu nguyên gốc đó sẽ tăng cường khả năng cảm nhận sự hài hước trong những câu chuyện cười tiếng Anh cho các sinh viên hướng dẫn du lịch đến mức độ nào? | Đánh giá trước can thiệp | 8/ 2016 | Sinh viên năm cuối | Kiểm tra trước can thiệp | Định lượng |
| Đánh giá sau can thiệp | 9/ 2016 | Sinh viên năm cuối | Kiểm tra sau can thiệp | Định lượng |
| 10/ 2016 | Sinh viên năm cuối | Phỏng vấn | Định tính |

# 2.2. Giai đoạn 1–Nghiên cứu sơ bộ

## Giai đoạn đầu của nghiên cứu này nhằm mục đích trả lời câu hỏi nghiên cứu đầu tiên: Những loại tài liệu nguyên gốc nào phù hợp để giúp phát triển khả năng hiểu và cảm nhận hài hước trong truyện cười của sinh viên ngành hướng dẫn du lịch của trường Đại học Khánh Hòa?

## Giai đoạn này bao gồm hai bước là Phân tích nhu cầu (NA) và thẩm định và thử nghiệm tài liệu. Mỗi giai đoạn được tóm tắt với mô tả cụ thể về người tham gia và lấy mẫu, các công cụ thu thập dữ liệu và thủ tục, và phân tích dữ liệu.

## 2.2.1. Bước 1 –Phân tích nhu cầu và tìm kiếm khó khăn của người học

Bước này gồm 2 khảo sát: tìm kiếm nhu cầu, nội dung cho tài liệu và xác định những khó khăn của người học khi cảm nhận hài hước trong truyện cười tiếng Anh. Để cung cấp một bức tranh hiểu biết rộng về nhu cầu Học truyện cười tiếng Anh và hài hước cho hướng dẫn viên du lịch, bốn nhóm người tham gia đã được xác định: hướng dẫn viên du lịch (TG), du khách nước ngoài (FT), giáo viên tiếng Anh cho ngành du lịch (TEFT) và sinh viên năm cuối ngành hướng dẫn viên du lịch (TGS).

Điều tra khảo sát, phỏng vấn và quan sát được tiến hành cho phân tích nhu cầu - giai đoạn đầu của nghiên cứu để thu thập dữ liệu định tính và định lượng. Số liệu thu thập được và phân tích cho nghiên cứu nhu cầu có liên quan cả về số lượng từ các bảng câu hỏi và chất lượng từ các cuộc phỏng vấn và quan sát. Dữ liệu định lượng được thu thập từ 186 bảng câu hỏi từ bốn nhóm các bên liên quan và được phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 24 cho các số liệu thống kê mô tả được mô tả trong đồ thị và số liệu. Dữ liệu định tính được phân tích theo nhóm chủ đề.

## 2.2.2. Bước 2 –Thẩm định và thử nghiệm tài liệu

Các tài liệu nguyên gốc đã được lựa chọn dựa trên các kết quả chính của phân tích nhu cầu được đưa vào sử dụng trong quá trình can thiệp. Những người tham dự được đánh giá là ba giáo viên, hai hướng dẫn viên du lịch và hai khách du lịch nước ngoài (một người Anh và một người Mỹ) đã tham gia vào bảng câu hỏi điều tra và phỏng vấn bán cấu trúc cho nghiên cứu phân tích nhu cầu.

Một bảng câu hỏi khảo sát đã được thực hiện cho giáo viên và các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc đã được tiến hành cho sinh viên. Bản câu hỏi đã được thực hiện để thẩm định các tài liệu nguyên gốc dự thảo. Công cụ này đã được sử dụng trong bước hai sau khi có kết quả phân tích nhu cầu. Sinh viên năm cuối trường Cao Đẳng Văn hóa Nghệ Thuật và du lịch Nha Trang (Nay là Đại học Khánh Hòa) được chọn dạy thí điểm tài liệu trong 1 tháng. Sau đó các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc được sử dụng với sinh viên để thẩm định và chỉnh sửa tài liệu truyện cười tiếng Anh nguyên gốc. Sau khi tài liệu được chỉnh sửa, giai đoạn 2 của nghiên cứu được thực hiện.

# 2.3. Giai đoạn 2 – Can thiệp

# Giai đoạn can thiệp trong nghiên cứu này nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu thứ hai: Mức độ mà tài liệu nguyên gốc làm tăng khả năng tạo ra sự hài hước trong những câu chuyện cười tiếng Anh cho các sinh viên hướng dẫn du lịch bao nhiêu? Nghiên cứu của giai đoạn này sử dụng kết quả thu được trong nghiên cứu nhu cầu đó là các tài liệu nguyên gốc được đề xuất đã được sử dụng như một phương tiện để giải quyết các vấn đề trong câu hỏi số 2.

# Những người tham gia là những người không được chọn ngẫu nhiên mà 20 sinh viên trong một lớp hướng dẫn viên du lịch tự nguyện tham gia khóa học làm thành một nhóm được can thiệp thực nghiệm. Lựa chọn không ngẫu nhiên này được lấy mẫu để đảm bảo đại diện đầy đủ cho kết quả cuối cùng. Hai bài kiểm tra bằng bảng câu hỏi đã được chọn làm công cụ thu thập dữ liệu để đánh giá thành tích của đối tượng trước và sau khi can thiệp. Cả hai bài kiểm tra trước và sau kiểm tra đều được thiết kế tương tự gồm hai phần: một là bài kiểm tra đánh giá năng lực hiểu và cảm nhận truyện cười Anh và phần thứ hai là một bảng câu hỏi sự lựa chọn để đánh giá những tiến bộ của sinh viên trước và sau can thiệp. Sau khi làm bài kiểm tra xong một cuộc phỏng vấn đã được tiến hành để làm rõ kết quả của đánh giá.

# Các dữ liệu mô tả từ các bảng câu hỏi đã được báo cáo trong phân bố tần số, tỷ lệ phần trăm phản hồi và phương tiện. Các phản hồi đã được phân tích, diễn giải và mô tả. Giải thích hài hước đã được điều tra ở những người trả lời thuộc các mục khác nhau trong bảng câu hỏi. Do đó, t-test (2-tailed) được sử dụng để xác định sự khác biệt giữa hai lần (trước và sau can thiệp).

# 2.4. Ý nghĩa về sự phối hợp của dữ liệu định lượng và định tính

## Một thiết kế tuần tự hai giai đoạn cung cấp dữ liệu được thu thập đầu tiên và được sử dụng các phân tích thống kê để xác định những phát hiện để gia tăng trong giai đoạn tiếp theo. Các dữ liệu thu được cả về định lượng và định tính. Việc kết hợp dữ liệu từ các phương pháp định tính và định lượng giúp người nghiên cứu hiểu sâu hơn, độ tin cậy dữ liệu cao và đạt được sự hợp lệ của các phát hiện (Allwright & Bailey, 1991; McDonough & McDonough, 1997; Silverman & Marvasti, 2008).

## 2.4.1. Tính hợp lệ

## Tính hợp lệ được xem là tính hợp lý của dữ liệu. Nói cách khác, dữ liệu định tính là trung thực, sâu sắc và phong phú mà phạm vi dữ liệu đã đạt được.

## 2.4.2. Độ tin cậy

Nghiên cứu này nhằm ủng hộ tính trung thực, sâu sắc và đáp ứng nhu cầu của cuộc sống thực tế, bối cảnh và đặc điểm của tình huống, tính xác thực, toàn diện, chi tiết, trung thực, sâu sắc.

**2.5. Kết luận chương**

Chương này đã mô tả toàn bộ phương pháp luận của nghiên cứu này. Với mục tiêu phát triển khả năng cảm nhận hài hước bằng tiếng Anh của các học viên hướng dẫn viên du lịch thông qua các tài liệu nguyên gốc, nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở thiết kế các phương pháp kết hợp giải thích tuần tự định lượng trước rồi đến định tính.

**CHƯƠNG 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

Chương này trình bày phân tích số liệu, kết quả và thảo luận của những người trả lời trong hai giai đoạn: (1) khảo sát để phân tích các nhu cầu, lựa chọn hài hước và đề xuất các tài liệu hài hước đích thực và chỉ ra các vấn đề để điều trị; Và (2) một sự can thiệp trong một cuộc thử nghiệm trước khi kiểm tra để đánh giá hiệu quả của việc điều trị.

**3.1. Giai đoạn 1 - Tóm tắt kết quả**

Giai đoạn đầu của nghiên cứu này, bao gồm hai giai đoạn: Phân tích nhu cầu (NA) và Kiểm tra Vật liệu (MV) và thí điểm, trả lời câu hỏi nghiên cứu đầu tiên: Những loại tài liệu đích thực nào phù hợp để giúp phát triển du học sinh Khánh Hòa 'Khả năng để làm cho tinh thần hài hước trong tiếng Anh?

**(1) Phân tích nhu cầu**

Từ các nghiên cứu phân tích nhu cầu, một bộ tài liệu bằng tiếng Anh tổng hợp những truyện cười tiếng Anh nguyên gốc. Các truyện cười phải ngắn gọn và dễ đọc. Đó là những truyện cười thuộc thể loại hài hước vui, tích cực được sử dụng trong lớp học và trong lĩnh vực du lịch. Đó là những câu truyện hài có câu kết gây hài thuộc loại truyện cười ngôn ngữ, truyện cười văn hóa và truyện cười dựa trên thực tế.

*(2)Bộ tài liệu truyện cười tiếng Anh nguyên gốc được đề xuất*

Sau đây là các yếu tố chính của bộ tài liệu được đề xuất: mục đích và mục tiêu, giáo trình và các tài liệu đề xuất.

* **Aims**

(i) Làm quen với các loại truyện cười tiếng Anh khác nhau mà họ có thể sử dụng trong công việc hướng dẫn du lịch trong tương lai của họ;

(ii) Nâng cao nhận thức về các nền văn hoá khác nhau thông qua các câu chuyện cười tiếng Anh.

* **Mục tiêu**

Sau khi học xong tài liệu này, người học có thể

(i) có thể nhớ, nhận ra, hiểu và giải thích các điểm hài trong truyện cười

(ii) có thể kể các loại truyện cười vui và lưu loát phù hợp với hoàn cảnh và người nghe.

* **Đề cương của tài liệu**(Bảng 3.2).

##### *Bảng 3.2: Đề cương của tài liệu*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Units** | **Aims and Objectives** | **Humorous Language focus** | **Tasks** | **Activities** | **Cultural Awareness** |
| Unit 1: What is the joke? | - Aim: Getting the joke.  - Objective: be able to to use verbal language fluently. | - Opposite scripts  - Humour ambiguity: linguistics, culture and reality.  - Punch line | - Exchanging opinions.  - Cracking jokes in groups.  - Rearranging funny stories. | - Listening to jokes.  - Describing cartoons.  - Listening to  funny stories. | Vietnamese folk tales  and humorous culture |
| Unit 2: What kind of flower do you have between your nose and your mouth? | - Aim: Getting the joke.  - Objective:be able to use verbal language fluently. | Puns  Homophone  Homonyme  Polysemy | - Matching:  Minimal pairs  - Role play  - Joking in groups | - Listening to  Minimal pairs.  - Telling  Knock-knock game jokes.  - Playing puns in the English phonetics. | Humour of Asian cultures |
| Unit 2: The well and the sick | - Aim: Comprehending jokes  - Objective: Be able to discover and use the resolution of the incongruity | Lexis  Syntax  Semantics | - Listening for comprehension  - Joking in groups  - Take-turning  - Asking and answering | - Listening to  Riddles  - Telling Riddles,  One-and-  two liners,  Short stories | Jewish jokes  Irish jokes  Australian humour |
| Unit 3: Mother’s Day | - Aim: Appreciating jokes.  - Objective: Be able to use verbal language and non-verbal language in humour performance. | Cultural jokes | - Jigsaw  - Role play  - Problem-solving  - Decision making | - Listening to  Cultural jokes.  - Telling funny stories. | English and American humour |
| Unit 4: I’d like a hamburger and a milkshake, please. | - Aim: Comprehending jokes.  - Objective: Be able to integrate into cultural humorous groups | Reality-based jokes | - Listening for comprehension  - Questions and answers  - Information Gap  Problem-solving  Discussion | - Listening to  anecdotes  - Telling anecdotes and  funny stories | Why women aren't funny |
| Unit 5: Abscentmindedness | - Aim: Reciting jokes  - Objective: Be able to interpret a humorous text fluently to the right audience at appropriate time and place | Short funny stories | - Matching - Completing stories  - Cloze tests  - Role play  - Problem-solving  - Decision making | - Telling and hearing funny stories | Reality diversity and cultural shocks: the blond, the monk, the black, the mother-in-law, the region |

* **Thời gan học**

# Mỗi đơn vị bài học mất 2 giờ rưỡi (60m /h) tương đương với 3 tiết học mỗi tiết 50 phút phù hợp với quy định của Bộ GDĐT về học chế tín chỉ (MoET, 2007). Như vậy toàn bộ thời gian là 15 tiết học trên lớp và 15 tiết bài tập ở nhà tương đương 2 tín chỉ.

# 3.2. Giai đoạn 2–Tóm tắt kết quả

Kết quả nghiên cứu của Giai đoạn này trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ hai: *Tài liệu nguyên gốc làm tăng khả năng cảm nhậnhài hước trong truyện cười tiếng Anh của sinh viên ngành hướng dẫn du lịch đến mức độ nào?*

## (1) Kết quả kiểm tra hiểu và cảm nhận hài hước trước và sau khi can thiệp

## Các điểm hài hước của các truyện cười tiếng Anh đã được các sinh viên năm cuối ngành hướng dẫn du lịch nhận ra và hiểu rõ. Các câu trả lời của các đối tượng có ý nghĩa đáng kể trong bài kiểm tra sau (T1) so với bài kiểm tra trước (T2) khi can thiệp. Về điểm số trung bình của hoạt động chung của người học, kết quả sau khi can thiệp lớn hơn nhiều so với trước khi can thiệp. Giá trị trung bình cho thấy sự khác biệt giữa tiền kiểm tra (T1) và sau kiểm tra (T2) là đáng kể trong số liệu thống kê cho tất cả các truyện cười có giá trị 7,3750 trong T2 so với giá trị trung bình là 2.3000 ở T1 và can thiệp có hiệu quả với những tiến bộ có ý nghĩa. Vì vậy, có thể thấy rằng hầu hết các đối tượng nghiên cứu là sinh viên năm cuối ngành hướng dẫn du lịch có thể hiểu và giải thích được điểm hài hước trong mười hai truyện cười tiếng Anh ở T2.

## Đối với các truyện cười thuộc ngôn ngữ, các nhóm có điểm hài ngữ âm và cú pháp đã được sinh viên hiểu rõ hơn so với các truyện cười có điểm hài thuộc hình thái và từ vựng. Kết quả trung bình của mỗi truyện đùa trong T1 và T2 sau khi can thiệp lớn hơn nhiều so với trước khi can thiệp. Kết quả t-test cho thấy có ý nghĩa về mặt thống kê về sự khác biệt giữa T1 và T2 đối với tất cả các cặp truyện hài hước có tất cả các giá trị p thấp hơn 0.05 và sự tiến bộ đã được thể hiện sau can thiệp. Về điểm số trung bình của từng nhóm truyện cười cho thấy truyện cười 1 và 5 có điểm hài về từ ngữ thu được điểm số trung bình là .255 và .050 đối với bài kiểm tra đùa ở T1, trong khi ở T2 điểm trung bình là 0,600 (t = -3,943, p = .001 <.05) và .800 (t = -6.850, p = .000 <.05) tương ứng. T-test cho thấy trong T2 các đối tượng hiểu tốt hơn trong T1 và đạt giá trị là đáng kể. Tương tự như vậy, truyện cười 4 thuộc ngữ âm và truyện cười 10 thuộc cú pháp có giá trị T-test thể hiện sự khác biệt đáng kể trong việc hiểu truyện cười của đối tượng với điểm trung bình là .5050 và .050 trong bài kiểm tra ở T1, trong khi T2 là điểm trung bình đạt .800 (t = -3,943, p = .001 <.05) và .700 (t = -6.850, p = .000 <.05). Tuy nhiên, T-test của truyện cười 4 có điểm cười thuộc hình thái không có giá trị hoàn hảo như các giá trị trên so với các truyện cười 1, 4 và 10 mặc dù điểm trung bình tốt là 0,050 đối với T-test ở T1 và 0,375 ở T2 (T = -3.322, p = .004 <.05). Các kết quả chỉ ra rằng điểm hài hước thuộc ngôn ngữ t ngôn ngữ như từ ngữ, ngữ âm và cú pháp đã được chứng tỏ dễ hiểu hơn so với điểm hì thuộc hình thái học trong ngôn ngữ hài hước thuộc thể loại này.

## Những truyện cười thuộc văn hoá bao gồm những câu chuyện cười 6, 7, 9 có điểm gây cười thuộc văn hoá. Giá trị quan trọng của T-test trong thống kê chỉ ra một sự khác biệt đáng kể trong hoạt động của các đối tượng nghiên cứu cảm nhận điểm hài về văn hóa với số điểm trung bình đạt 0,250, 0,350 và 0,125 trong T1, trong khi ở T2 điểm trung bình 0,575 (t = -3.577, p = .002 <.05), 0.850 (t = -5.627, p = .000 <.05) và .600 (t = -6.190, p = .000 <.05) tương ứng. Tuy nhiên, đối với truyện cười số 9 cũng có điểm hài về văn hoá, mặc dù giá trị của bài kiểm tra T cho thấy hiệu quả của các đối tượng đã đạt được một số liệu thống kê khá khác biệt với t = -2.101 và p = .049, nhưng giá trị trung bình khá thấp là 0,025 trong T1 và 0,200 trong T2. Điều nàytương đương với ý nghĩa rằng các đối tượng có thể hiểu và giải thích được điểm hài này là 10% hoặc chỉ có 2 đối tượng đã làm. Từ đó có thể khẳng định rằng những câu chuyện cười về văn hoá ở giai đoạn cơ bản với bối cảnh của người học tiếng Anh là ngoại ngữ không ảnh hưởng nhiều đến những câu chuyện cười tiếng Anh. Các bối cảnh văn hoá trong những câu đùa tiếng Anh ở sơ cấpkhông ảnh hưởng đến sự hiểu của các đối tượng, nhưng chính sự đa dạng của những điểm hài về văn hoá gây khó khăn cho sinh viên ngành hướng dẫn du lịch để khó có thể hiểu được sự hài hước trong những câu chuyện cười của tiếng Anh.

## Những câu chuyện cười dựa trên thực tế bao gồm những câu chuyện cười 3, 8, 11 và 12 chứa những điểm gây cười thuộc ngữ dụng. Về điểm số trung bình chung, các đối tượng đạt điểm số trung bình trong việc hiểu và giải thich điểm hài của những câu chuyện cười này rất có ý nghĩa trong thống kê. Điểm trung bình đạt .800 (t = -5.141, p = .000 <.05) về trò đùa 3 trong T2, .700 (t = -4873, p = .000) trên câu nói đùa 11 trong T2 và .700 (t = -3.684 , P = 002 <.05) đối với trò đùa 12 trong T2 so với điểm số trung bình là 0,400, 0,200 và .350 tương ứng trong T1. Kết quả T-test chỉ ra rằng có sự khác biệt đáng kể và các đối tượng thực hiện tốt và đồng đều trên các câu chuyện cười với điểm hài thuộc ngữ dụng.

## (2)Khó khăn khi đọc hiểu truyện cười trước và sau khi can thiệp

## Kết quả cho thấy đã có sự giảm đáng kể mức độ khó khăn: điểm gây hài, ý nghĩa của từ, cấu trúc, phát âm từ, văn hoá, độ dài của truyện và ngữ cảnh của truyện cười trong các bài kiểm tra (T1) và (T2).

## (3)Kết quá của kể truyện cười

## Một cuộc thi kể truyện cười đã được tổ chức cho các sinh viên năm cuối đã tham gia khóa học can thiệp. Có 15 sinh viên tham gia dự thi. Mục đích của cuộc thi là đo lường năng lực hài hước của TGU thông qua hoạt động kể chuyện của họ. Cuộc thi cho thấy được kết quả đáng kể của các thí sinh tham gia cuộc thi. Có sáu thí sinh rơi vào khoảng vui vẻ và rất hài hước trong mức độ vui vẻ và tốt và rất tốt trong mức độ chất lượng. Sáu sinh viên này thoạt tiên trước khóa học ở trong số sinh viên không biết gì về hài hước và chuyện cười của người Anh và thậm chí cảm thấy khó hiểu nhưng sau đó họ đã có thể kể những câu chuyện đùa vui vẻ và khán giả cười vui vẻ khi nghe những truyện cười của họ.

## 3.2.4. Kết quả của thái độ người học đối với bộ tài liệu nguyên gốc

# Hầu hết người học đều rất thích nguồn tài liệu học trong lớp. Tỷ lệ phần trăm được hỏi thích cao hơn rất thích. Họ nhận thấy ngoài các truyện cười, có các tranh ảnh, phim … giúp dễ hiểu hài hước hơn. Điểm số cho thích là trên 60% đối với ba nhóm có điểm số thấp hơn rất thích.

# 3.3. Thảo luận

## 3.3.1. Ứng dụng của tài liệu nguyên gốc: Lợi ích và thách thức

Thứ nhất, có một vấn đề rất quan trọng phải được xem xét khi thảo luận về các tài liệu nguyên gốc, đó là cách sử dụng truyện cười tiếng Anh do người Anh viết co người Anh hoặc người nói tiếng anh đọc. Đây là điểm cốt lõi cho việc sử dụng truyện cười tiếng anh nguyên gốc và các truyện cười này đã được sử dụng trong bối cảnh lớp học. do đó người học được tiếp cận với ngôn ngữ hài của người bản ngữ.

Thứ hai, khi phát hiện ra những lợi ích của việc sử dụng các tài liệu đích thực, các phát hiện cho thấy rằng chúng có ý nghĩa quan trọng kể từ quan điểm sư phạm rõ ràng và từ tâm lý học, vì nó giúp học sinh tự tin hơn, một khi họ nhận ra rằng họ có thể "tồn tại" trong Văn hoá của ngôn ngữ hài hước. Họ đã nhận ra và hài lòng với việc học hiểu, cảm nhận và kể truyện cười Tiếng Anh.

Thứ ba là các tài liệu nguyên gốc giúp người học phát hiện được sự tồn tại của hài hước trong ngôn ngữ. Không có ngôn ngữ nào hoàn toàn là chữ nghĩa và chỉ là kiên thức mà Ngôn ngữ hài hước tồn tại khắp nơi rất nhiều, phong phú, thay đổi và kỳ diệu.

## Thứ tư, các tài liệu đích thực được lựa chọn theo phương pháp tiếp cận dựa trên năng lực, vì vậy tài liệu này đã dẫn dắt các sinh viên tiếp xúc với nhiều các hoạt động học tập và rèn luyện để giúp họ phát triển năng lực hài hước của các hướng dẫn viên du lịch như kỹ năng kể chuyện cười và nói đùa. Cuối cùng, nhưng các tài liệu này có thể có giá trị giáo dục nội tại (Harmer, 1983) vì chúng giúp sinh viên được thông tin và tìm hiểu thêm về văn hoá đó. Các sinh viên của TGU cho biết các tài liệu cung cấp cho họ nhiều loại trò đùa và văn hoá đùa. Do đó, các tài liệu xác thực thỏa mãn các tiêu chí của phát triển tài liệu: phù hợp, có khả năng khai thác và dễ đọc. Hơn 90% sinh viên cảm thấy bằng lòng khi các tài liệu nguyên gốc được sử dụng trong lớp học. Đây là thành công của các tài liệu nguyên gốc được đề xuất.

## 3.3.2. Áp dụng của mô hình năng lực hài hước

Các thành tựu của nghiên cứu này là nó đã chứng tỏ khả năng tạo ra sự hài hước trong các câu chuyện cười tiếng Anh có thể được phát triển cho sinh viên hướng dẫn viên du lịch năng lực hài hước để hiểu và cảm nhận hài hước trong truyện cười tiếng Anh nguyên gốc. Các dữ liệu trong tiền kiểm tra cho thấy rằng số học sinh có thể hiểu và cảm nhận được hài hước trong truyện cười tiếng Anh là rất thấp. Nhưng sau khi học, họ đã có một sự thay đổi đáng kể trong kết quảbài kiểm tra sau khi can thiệp. Các kết quả sau can thiệp cho thấy một tác động tích cực trong giảng dạy bằng cách sử dụng các tài liệu đích thực được đề xuất.

## 3.3.3. Vai trò của năng lực ngữ dụng

Năng lực ngữ dụng rất quan trọng trong việc kết hợp với năng lực hài hước Giảng dạy tính hài hước trong truyện cười không chỉ nhằm mục đích giúp người học hiểu được những trò đùa, mà còn giúp họ biết cách đọc hay nghe những câu chuyện cười để đánh giá cao họ, cảm nhận truyện tranh và có thể đọc tốt trong ngữ cảnh tốt để đáp ứng hài hước. Nên năng lực ngữ dụng giúp người học phát triển thêm năng lực ngôn ngữ và năng lực về văn hóa xã hội. Nghiên cứu này đã đạt được thành công như vậy. Phát triển kỹ năng ngôn ngữ và văn hóa để có thể cảm nhận hài hước trong truyện cười để áp dụng trong công việc hướng dẫn du lịch trong thực tiễn. Năng lực ngôn ngữ và năng lực văn hoá đã tạo điều kiện cho sinh viên ngành hướng dẫn du lịch có thể hiểu và sử dụng hài hước trong truyện cười tiếng Anh.

## 3.3.4. Vai trò của phương pháp giảng dạy và tài liệu nguyên gốc

Các phương pháp giảng dạy và cách sử dụng bộ tài liệu được đề xuất cho lớp học đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng của sinh viên trong việc hiểu và cảm nhận hài hước trong các câu chuyện cười tiếng Anh. Việc áp dụng kỹ thuật giảng dạy vào các tài liệu khởi đầu về ngôn ngữ hài hước chơi chữ như câu đó hỏi đáp, giao tiếp giữa người học và người nước ngoài, và quy trình đóng vai được sử dụng trong suốt quá trình học tập. Đặc biệt, phương pháp đóng vai hoặc trò chơi mô phỏng trong đó học sinh được chia thành hai nhóm, nhóm hướng dẫn viên du lịch và nhóm du lịch thực hành thu hút học viên và tăng cường hiệu quả học tập. Trong cách tiếp cận này, học viên có cơ hội làm người hướng dẫn trong việc hướng dẫn du lịch có sử dụng hài hước là truyện cười tiếng Anh. Các hoạt động đóng vai này giúp họ trải nghiệm các hoạt động thực tế.

Đặc biệt trong quá trình học tập, người học được tiếp xúc với giảng viên người bản xứ là người Anh, Mỹ và Úc. Các thầy không giảng bài mà tham gia vào hoạt động học tập với sinh viên, kể truyện cười và giải thích các ngữ cảnh văn hóa, cách chơi chữ liên hệ cuộc sống trong truyện cười

# 3.4. Chapter conclusion

Chương này đã trình bày các kết quả của các dữ liệu thu thập và phân tích trong hai giai đoạn của nghiên cứu, sơ bộ và can thiệp. Một hỗn hợp các phương pháp định lượng và định tính với các công cụ thu thập dữ liệu của bảng câu hỏi, các bài kiểm tra và câu hỏi phỏng vấn đã được sử dụng để các dữ liệu thu thập được cung cấp một bức tranh toàn diện về kết quả cho nghiên cứu. Dữ liệu được mô tả và phân tích sử dụng SPSS với kết quả dưới dạng tỷ lệ phần trăm và phương tiện kiểm tra T-test.

# CONCLUSION

# Đây là phần cuối cùng của luận án xem xét toàn bộ nghiên cứu với các tóm tắt của những phát hiện chính, tiếp theo là ứng dụng, giới hạn của nghiên cứu hiện tại và các đề xuất cho các nghiên cứu sâu hơn.

## 1. Tóm tắt các phát hiện

**Phát hiện 1**

Việc tìm kiếm để trả lời câu hỏi nghiên cứu đầu tiên là một bộ tài liệu nguyên gốc dựa trên năng lực đã được lựa chọn bao gồm các câu chuyện cười tiếng Anh nguyên gốc. Các tài liệu đã được thực hiện trên nền tảng của các phân tích nhu cầu học hài hước và nhu cầu sử dụng hài hước.

**Phát hiện 2**

Các phát hiện để trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ hai là các sinh viên ngành hướng dẫn viên du lịch đã có thể nhận ra, hiểu và đánh giá cao sự hài hước trong những truyện cười tiếng Anh và hơn thế là nhiều người trong số họ có thể kể lại câu chuyện đùa đầy đủ một cách thành công.

## 2. Ứng dụng

### 2.1. ứng dụng về mặt phương pháp

Nghiên cứu này sử dụng các phương pháp nghiên cứu hỗn hợp như là một đóng góp cho các tài liệu về các phương pháp nghiên cứu cho các nghiên cứu thực tế. Nó là một thiết kế để làm theo một cách tiếp cận tuần tự giải thích, trong đó các phương pháp định lượng đã được sắp xếp theo trình tự với các định tính (Creswell, 2011). Trên thực tế, đó là một quá trình trong đó phát hiện định lượng lần đầu tiên khám phá với một mẫu lớn và số lượng và sau đó chất lượng được thực hiện để bổ sung tốt hơn và khẳng định kết quả của định lượng. Từ đợt điều tra thăm dò ban đầu này, phương pháp tiếp cận thứ hai với các phát hiện định tính được sử dụng để phát triển các phương pháp đánh giá có thể được thực hiện cho một mẫu nghên cứu nhỏ. Trong phương pháp tiếp cận định tính, các dữ liệu được thu thập bằngphương pháp phỏng vấn và quan sát.

### 2.2. Ứng dụng về lý thuyết

Về mặt lý thuyết, nghiên cứu này đã góp phần làm giàu thêm lý luận về phương pháp và kỹ năng giảng dạy tiếng Anh được lồng ghép với kỹ năng nâng cao hiểu biết cho sinh viên về các yếu tố tạo nên sự hài hước trong văn học và văn hóa, phong tục tập quán được truyền tải trong các câu chuyện hài hước của tiếng Anh.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu đã khẳng định được người học tiếng Anh là ngoại ngữ có khả năng hiểu hài hước trong truyện cười tiếng Anh qua đào tạo. Đặc biệt nghiên cứu đã xác định được một tài liệu giảng dạy tiếng Anh dành riêng cho sinh viên ngành hướng dẫn du lịch để không chỉ phát triển cho họ kỹ năng ngôn ngữ mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp của người hướng dẫn viên du lịch cùng với những hiểu biết sâu hơn về sự hài hước, dí dỏm của các truyện cười trong giao tiếp của các khách du lịch nói tiếng Anh và hơn nữa là khách du lịch đến từ các nước nói tiếng Anh trên thế giới.

### 2.3. Ứng dụng về phương pháp sư phạm

Tập tài liệu nguyên gốc này được xây dựng dựa trên năng lực đã được lựa chọn bao gồm các câu chuyện cười tiếng Anh nguyên gốc. Song song đó, một sự giao thoa của ba đường hướng: năng lực hài hước, quá trình học ngôn ngữ và năng lực ngữ dụng đã được áp dụng để thúc đẩy việc thực hiện các tài liệu nguyên gốc đạt được thành công. Như vậy, việc tập trung vào ba kỹ năng chính của ngôn ngữ là nói, nghe và đọc, học sinh đã học những câu chuyện cười theo cặp, nhóm với các nhiệm vụ thực tế và sư phạm với sự trợ giúp trực quan, hoạt hình, hình ảnh, tay nghề, báo, tạp chí, Âm thanh, video và thầy dạy là người nước ngoài nói tiếng Anh trong giai đoạn can thiệp. Mặc dù nghiên cứu này không mang tính đại diện cho phạm vi rộng trong cả nước nhưng nó đã góp phần chứng minh rằng hài hước có thể được đào tạo. Nghiên cứu cho thấy, qua đào tạo, sinh viên hướng dẫn du lịch học tiếng Anh như một ngoại ngữ trong nghiên cứu có thể phát triển khả năng hiểu được sự hài hước và có thể kể. Hơn nữa việc đào tạo đó vừa giúp họ phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp có sử dụng hài hước. Đây là đóng góp mới của đề tài.

## 3. Giới hạn của đề tài

## Nghiên cứu này thực sự là một cuộc điều tra phức tạp bao gồm hai giai đoạn: sơ bộ và can thiệp. Nghiên cứu phát triển khả năng của học sinh hướng dẫn về sự hài hước trong các truyện cười của Anh tại trường đại học Khánh Hòa ở Nha Trang, chỉ là xây dựng một bộ tài liệu ở cấp độ sơ cấp cho khóa học trong một nghiên cứu thực nghiệm nhỏ và đo lường kết quả sau khi sinh viên tham gia khóa học.

## 4. Những hướng nghiên cứu tiếp theo

Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo là cần mở rộng nghiên cứu trên phạm vi rộng hơn bộ sưu tập các truyện cười có tính hài hước phức tạp hơn, có nghiên cứu sâu hơn về ảnh hưởng của năng lực văn hoá-xã hội đối với năng lực hài hước ở cấp độ cao hơn là đánh giá và sáng tạo của hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

**RESEARCHER’S PUBLICATIONS RELATED TO THE THESIS**

1. Giới thiệu mô hình biên soạn giáo trình tiếng Anh chuyên ngành dựa trên đường hướng lấy hoạt động học làm trung tâm. Tạp chí khoa học của Đại học Sư phạm Hà Nội, Volume 60, Number 1, 2015, tr. 123-130.

2. Yếu tố hài hước trong truyện cười tiếng Anh: Từ văn bản đến ứng dụng cho lớp học ngoại ngữ. Tạp chí khoa học của Đại học Sư phạm Hà Nội, Volume 60, Number 2, 2015, tr. 138-147.